

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG SCOM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG SCOM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SCOM TELECOMMUNICATION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0108383083

3. Ngày thành lập: 31/07/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn Vàng 2, Xã Cổ Bi, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
2.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
3.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
4.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
5.	Phá dỡ	4311
6.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
7.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
8.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
9.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
10.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: - Bán buôn sắt, thép - Bán buôn kim loại khác (Trừ kinh doanh vàng)	4662
11.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
12.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
13.	Bốc xếp hàng hóa	5224
14.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Giao nhận hàng hóa; - Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn; - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; - Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay;	5229
15.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
16.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
17.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121

18.	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác	8129
19.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
20.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
21.	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện (Trừ truyền tải điện)	3510
22.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
23.	Sản xuất thiết bị truyền thông Chi tiết: Sản xuất hệ thống chuông chống trộm và đèn báo động;	2630
24.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: Hoạt động của các điểm truy cập internet	6190(Chính)
25.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
26.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
27.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
28.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
29.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn	2599
30.	Đóng tàu và cấu kiện nổi	3011
31.	Đóng thuyền, xuống thể thao và giải trí	3012
32.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
33.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
34.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
35.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
36.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
37.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
38.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4511
39.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4530
40.	Bán mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đầu giá)	4541
41.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
42.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đầu giá)	4543
43.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
44.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741

45.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
46.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ Chi tiết: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5221
47.	Lập trình máy vi tính	6201
48.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
49.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
50.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523
51.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
52.	Sửa chữa đồ dùng cá nhân và gia đình khác	9529
53.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
54.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;	4649
55.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
56.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý, môi giới (trừ môi giới tài chính, chứng khoán, bảo hiểm, bất động sản và môi giới hôn nhân có yếu tố người nước ngoài)	4610
57.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán);	6619
58.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
59.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
60.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
61.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
62.	Xây dựng nhà các loại	4100
63.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
64.	Xây dựng công trình công ích	4220
65.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
66.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
67.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
68.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
69.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Trừ kinh doanh bất động sản)	5210
70.	Cho thuê xe có động cơ	7710
71.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
72.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
73.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
74.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652

75.	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn	8020
76.	Sản xuất máy thông dụng khác Chi tiết: Sản xuất thiết bị cho việc phun, làm phân tán chất lỏng hoặc bột như: Súng phun, bình cứu hoả, máy phun luồng cát, máy làm sạch hơi;	2819
77.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;	8299
78.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính Chi tiết: Khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm;	6209
79.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	VŨ VĂN ĐÔNG	Số nhà 86 Đường Trần Vỹ, Tổ 12 Khu Tập thể Văn Công Quân Đội, Phường Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	125.000	1.250.000.000	25,000	035087000127	
			Tổng số	125.000	1.250.000.000	25,000		
2	LƯU VĂN SƠN	Tổ Dân phố Trung Hòa, Thị trấn Cát Thành, Huyện Trục Ninh, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	175.000	1.750.000.000	35,000	036086005068	
			Tổng số	175.000	1.750.000.000	35,000		
3	PHẠM VĂN SƠN	Số nhà A23 Khu Đầu Giá Đất C3-5B/No 06, Tổ 8, Phường Thạch Bàn, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	200.000	2.000.000.000	40,000	036086006428	
			Tổng số	200.000	2.000.000.000	40,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LƯU VĂN SƠN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 03/08/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 036086005068

Ngày cấp: 08/05/2017

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ Dân phố Trung Hòa, Thị trấn Cát Thành, Huyện Trục Ninh, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Vàng 2, Xã Cổ Bi, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội